

BÁO CÁO

Công tác phòng, chống tham nhũng Quý II 2019

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG (PCTN)

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong phạm vi trách nhiệm của đơn vị.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt pháp luật về PCTN được Ban giám hiệu nhà trường quan tâm tổ chức và chỉ đạo thực hiện qua các buổi họp giao ban hàng tháng theo quy định, qua các buổi sinh hoạt trong từng chi bộ, hay thông qua các buổi sinh hoạt chính trị dưới cờ vào ngày đầu tiên hàng tháng;

- Nhà trường tuyên truyền bằng việc phổ biến các văn bản về công tác PCTN đến cán bộ, đảng viên thực hiện thông qua các buổi học tập Nghị quyết, họp chi bộ, đảng bộ;

- Thông qua các buổi họp lãnh đạo phòng, khoa nhà trường đều lồng ghép, phổ biến về công tác PCTN và lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm phổ biến lại cho cán bộ viên chức (CBVC) trong đơn vị quán triệt và thực hiện;

- Các đơn vị trong trường vẫn thường xuyên duy trì nề nếp công tác giao ban, sinh hoạt chuyên môn hàng tuần; sinh hoạt lớp chính quy để lắng nghe tâm tư nguyện vọng, đề xuất của CBVC, học sinh sinh viên (HSSV) để giải quyết kịp thời những đề xuất hợp lý của CBVC, HSSV và triển khai công tác PCTN lãng phí;

- Đoàn Thanh niên cũng đã có nhiều hình thức tuyên truyền như thông qua sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt chuyên đề, khẩu hiệu, treo băng rôn... nhằm tác động tích cực đến HSSV trong việc PCTN;

- Công tác đánh giá kết quả học tập của HSSV hệ chính quy trong trường đều thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Nhà trường.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

2.1 Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Công khai minh bạch trong công tác thu chi tài chính và mua sắm tài sản: Việc mua sắm tài sản công được Nhà trường thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn, quy định của nhà nước, đối tượng từ trước cho đến sau khi mua sắm tài sản công (số lượng, chủng loại,



chỉ định đơn vị cung cấp, cơ chế giám sát ...). Việc thực hiện minh bạch trong mua sắm đã lựa chọn được đơn vị cung cấp đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí; Ngoài ra Nhà trường thực hiện công khai trong các lĩnh vực khác như: Trong lĩnh vực đào tạo đại học và sau đại học (công khai, minh bạch trong công tác đào tạo, xét duyệt cấp phát chứng nhận, chứng chỉ trong trường đều đảm bảo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT); Trong lĩnh vực khoa học – công nghệ (công khai, minh bạch công tác giao nhiệm vụ và quản lý đề tài các cấp được thực hiện theo đúng quy định); Trong công tác tổ chức cán bộ (tuyển dụng mới, điều động và sử dụng cán bộ đảm bảo tính dân chủ, công khai. Hội đồng tuyển dụng căn cứ kết quả thi tuyển để quyết định)...

2.2 Rà soát, xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

Cụ thể hóa các tiêu chuẩn, chức danh quản lý trong Quy chế chi tiêu nội bộ gồm các tiêu chuẩn, định mức, trách nhiệm cán bộ quản lý, sử dụng ô tô, xăng xe, điện thoại, điện, nước, văn phòng phẩm, hội nghị, hội thảo khoa học, đào tạo, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, chi hỗ trợ tiền lương tăng thêm, chi hỗ trợ các ngày Lễ, Tết, các hoạt động hiếu, hỷ, khen thưởng... đều được công khai, minh bạch.

2.3 Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, viên chức và công tác thi đua.

- Công tác tuyển dụng CBVC tạo nguồn, bố trí, sử dụng cán bộ đảm bảo tính dân chủ, công khai. Hội đồng tuyển dụng căn cứ kết quả thi tuyển để quyết định;

- Việc sắp xếp, luân chuyển cán bộ ở các Khoa, Phòng, Trung tâm là phù hợp với quy hoạch tạo nguồn của Đảng ủy.

2.4 Minh bạch tài sản và thu nhập.

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ việc kê khai tài sản, thu nhập theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013, thông tư 08/2013/TT-TTTPC ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập. Kết quả 100% cán bộ, nhân viên trong Trường thuộc đối tượng phải kê khai tài sản đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ theo đúng yêu cầu của thông tư.

2.5 Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Các thông tin, văn bản hoạt động của nhà trường đều được cập nhật kịp thời trên Webside của trường, của từng Khoa chuyên môn.

2.6 Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản.

Nhà trường tiếp tục áp dụng phương thức thanh toán trả lương qua tài khoản và thu học phí của sinh viên qua hệ thống ngân hàng.

2.7 Việc đưa nội dung Luật phòng chống tham nhũng vào giảng dạy.

Nhà trường đã triển khai đưa nội dung Luật phòng chống tham nhũng vào học phần Pháp luật đại cương và được tổ chức giảng dạy cho sinh viên các ngành đào tạo trong trường.

3 VA
JON
I HC
THU
3 NGH
THAI

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng.

Nhà trường đã thực hiện công tác thanh tra định kỳ và thanh tra thường xuyên theo quy định. Trong quý II vừa qua không có đơn thư tố cáo, khiếu nại, chưa có vụ việc tham nhũng nào xảy ra.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PCTN

1. Đánh giá tình hình tham nhũng.

- Qua việc thực hiện Luật phòng chống tham nhũng đã từng bước giúp cho cá nhân tích cực tham gia vào công tác phát hiện những hành vi tham nhũng;

- Nhà trường đã phát huy sức mạnh tổng hợp, công khai minh bạch trong các hoạt động nên thời gian vừa qua nhà trường không có đơn thư phản ánh nào về công tác quản lý, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Không có cá nhân nào bị các cơ quan, tổ chức phản ánh có hành vi tiêu cực, trục lợi, tham nhũng.

2. Đánh giá công tác phòng chống tham nhũng.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường rất quan tâm đến công tác PCTN, do vậy Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường đã đề ra nhiều biện pháp PCTN như: Công khai, minh bạch tất cả các vấn đề về chuyên môn cũng như tài sản, tài chính; Tiêu chuẩn bình xét thi đua; Đẩy mạnh công tác phát huy tập trung dân chủ, tạo sự đồng thuận, đoàn kết của tập thể người lao động, từ đó góp phần ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tham nhũng; Cán bộ, giảng viên Nhà trường làm việc với tinh thần cần, kiệm, liêm, chính.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

- Nhà trường tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong phạm vi trách nhiệm của nhà trường;

- Gắn việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh và công tác tự phê bình, phê bình, có chuyên mục về PCTN gắn với cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm;

- Phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của các đơn vị, đoàn thể và các cá nhân đối với công tác PCTN nhất là lĩnh vực thu chi tài chính, quản lý tài sản công, công tác tổ chức cán bộ.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo)
- Ban Thanh tra- ĐHTN;
- Lưu: VT, TT-PC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT
CÔNG NGHIỆP
PGS.TS Trần Minh Đức

ĐẠO TẠO
T
IẾP
NGUYỄN

PHỤ LỤC SỐ 03
THÔNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG QUÝ II NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số: 96/BC-ĐHKTCN ngày 21/6/2019)



MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
01	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	0
02	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHÓ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
03	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	346
04	Số người được phổ biến PCTN được lồng ghép trong học phần Pháp luật đại cương	Người	848
05	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHƯNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
06	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	25
07	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
08	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	0
09	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	0
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	0
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	0
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	0
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoài tề, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	0
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tề, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	25
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0

21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	86
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
27	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, DV %	0
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc		100
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG		
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	0
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	0
	Qua hoạt động thanh tra		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	0
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	0
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	0
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	0
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	Qua điều tra tội phạm		
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp)	Người	0
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	0
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	0
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	0



44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
49	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.		
50	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
	+ Đất đai	m ²	0
51	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
52	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
	+ Đất đai	m ²	0
53	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
54	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
	+ Đất đai	m ²	0